

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-PT
Ngày 26-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản (tiền).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2024/QĐ-PT ngày 09-8-2024, giữa các Đ sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Minh V, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà *, đường L, khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Minh V: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024), có mặt;

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn Đ; trú tại: Số nhà *, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Đ: Công ty L do ông Nguyễn Huy L - Giám đốc Công ty L là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Công ty L, số *, tổ *, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt;

- Ông Phùng Xuân M, sinh năm 1999 - là người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L; địa chỉ: Số *, V, phường T, quận T1, thành phố Hà Nội, có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị U; trú tại: Số nhà *, đường N phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U: Công ty L do ông Nguyễn Huy L - Giám đốc Công ty L là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Công ty L, số *, tổ *, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt;

- Ông Phùng Xuân M, sinh năm 1999 - là người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L; địa chỉ: Số *, V, phường T, quận T1, thành phố Hà Nội, có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

2. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà *, đường L, khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

3. Bà Tống Thị A, sinh năm 1977; địa chỉ: Khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T, bà Tống Thị A: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Khối *, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023), có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn ông Hoàng Minh V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Minh V trình bày: Do có mối quan hệ quen biết cùng là doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2020, ông Phạm Văn Phạm Văn Đ đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Hoàng Minh V để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay từ một tháng đến ba tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng hoặc 2%/tháng. Tuy nhiên, ông Phạm Văn Phạm Văn Đ không trả nợ gốc đúng thời hạn. Tháng 02/2018 ông Hoàng Minh V cho ông Phạm Văn Đ vay 8.000.000.000 đồng; ngày 09/01/2020, ông Phạm Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị U trả cho ông Hoàng Minh V 5.000.000.000 đồng; cùng ngày 09/01/2020 hai bên lập hợp đồng vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng (tương Đ 60 triệu/tháng), tiền lãi trả theo tháng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/7/2020). Hai bên cũng đã thỏa thuận về lãi phạt khi chậm trả lãi, đến khi hết thời hạn vay, nếu bên ông Phạm Văn Đ không trả đủ vốn và lãi thì tổng số tiền còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn và lãi suất theo nợ quá hạn.

Đến thời hạn trả gốc ngày 09/7/2020, ông Phạm Văn Đ không trả nợ gốc. Tính đến ngày 09/01/2023, bà Nguyễn Thị U trả lãi cho ông Hoàng Minh V là 36 tháng = 2.160.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng*) vào tài

khoản S số 030006262828 và tài khoản B số 35112000010623 của bà Tổng Thị A hoặc phiếu thu tiền mặt tại văn phòng Công ty T.

Ông Hoàng Minh V đã nhiều lần yêu cầu ông Phạm Văn Đ trả tiền nhưng ông Phạm Văn Đ trì hoãn, không trả, không gặp gỡ để thỏa thuận nên ông Hoàng Minh V khởi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và các khoản tiền lãi, gồm: Tiền nợ gốc: 3.000.000.000 đồng tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/5/2024 là: 3.000.000.000 đồng x 1,666% x 16 tháng 04 ngày = 806.500.000 đồng; lãi trên nợ lãi từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/5/2024 là: 806.500.000 đồng x 0,83% x 16 tháng 04 ngày = 107.973.414 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 10/7/2020 đến ngày 13/5/2024 là: 3.000.000.000 đồng x (50% x 1,666%) x 46 tháng 04 ngày = 1.153.250.000 đồng. Tổng số tiền gốc và các khoản lãi ông Phạm Văn Đ phải trả cho ông Hoàng Minh V (tính đến ngày 13/5/2024) là 5.067.723.414 đồng. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất tối đa các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Số tiền lãi ông Đ đã trả cho ông Hoàng Minh V từ 10/01/2020 đến ngày 09/01/2023 là 3.000.000.000 đồng x 20%/12 = 60.000.000 đồng/tháng, vì vậy phần vượt quá 20%/năm là 0,333%/tháng = 10.000.000 đồng/tháng x 36 tháng = 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*), Hoàng Minh V yêu cầu Tòa án khấu trừ vào tổng số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể 5.067.723.414 đồng trừ đi số tiền 360.000.000 đồng, nay ông Hoàng Minh V yêu cầu ông Phạm Văn Đ phải trả số tiền vay cả gốc và lãi là 4.707.723.414 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Đ, ông Hoàng Minh V không chấp nhận.

Tại các bản khai bị đơn ông Phạm Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Đ là Công ty L do ông Nguyễn Huy L là người đại diện theo pháp luật và ông Phùng Xuân M là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Tính đến tháng 01/2018 ông Phạm Văn Đ có vay của ông Hoàng Minh V là 8.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng ông Phạm Văn Đ đã trả đầy đủ lãi từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019 với số tiền lãi là 160.000.000 đồng/tháng. Số tiền lãi này được Công ty T xác nhận.

Đến ngày 09/01/2020, ông Phạm Văn Đ đã thanh toán 5.000.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh V, số tiền còn nợ lại là 3.000.000.000 đồng. Cùng ngày 09/01/2020 các bên có ký kết Hợp đồng, tuy nhiên Hợp đồng này chỉ là văn bản ghi nhận cụ thể rằng ông Phạm Văn Đ còn nợ ông Hoàng Minh V 3.000.000.000 đồng từ các khoản nợ vay năm 2018. Ông Phạm Văn Đ không hề vay thêm hoặc nhận thêm 3.000.000.000 đồng từ ông Hoàng Minh V phát sinh từ hợp đồng này. Từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2023, ông Phạm Văn Đ trả lãi trực tiếp tại Công ty T và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà Tổng Thị A, kế toán trưởng của Công ty T, cho khoản vay 3.000.000.000 đồng với lãi

suất 2%/tháng, tức trả lãi 60.000.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền lãi ông Phạm Văn Đ đã thanh toán cho ông Hoàng Minh V như sau:

Trả lãi cho khoản vay 8.000.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng trong 24 tháng của các tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2020, tổng cộng 3.840.000.000 đồng.

Trả lãi cho khoản vay 3.000.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng trong 36 tháng của các tháng từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2022, tổng cộng là 2.160.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác ..." Theo đó, lãi suất tối đa của thỏa thuận vay là 20%/năm, tức 1,666%/tháng. Như vậy từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2023, ông Phạm Văn Đ đã phải trả lãi với lãi suất vượt quá mức cho phép. Cụ thể: Từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020, ông Phạm Văn Đ trả số tiền lãi vượt quá mức cho phép như sau: $3.840.000.000 - (8.000.000.000 \times (20\%/12) \times 24) = 640.000.000$ đồng.

- Từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2023, ông Phạm Văn Đ đã trả số tiền lãi vượt quá mức cho phép như sau: $2.160.000.000$ đồng - $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/12) \times 36) = 360.000.000$ đồng. Tổng cộng ông Phạm Văn Đ đã trả lãi vượt mức là $1.000.000.000$ đồng và ông Phạm Văn Đ yêu cầu phản tố đối trừ số tiền trên vào khoản tiền còn nợ $3.000.000.000$ đồng của ông Hoàng Minh V cho vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Đặng Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T là bà Phạm Thị T trình bày: Về việc cho vay tiền đúng như ông Hoàng Minh V đã trình bày và nhất trí theo yêu cầu của ông Hoàng Minh V đối với ông Phạm Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị A và người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị A là bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Tô Thị A là nhân viên Công ty T do ông Hoàng Minh V là giám đốc. Khoảng đầu năm 2020, bà Tô Thị A được ông Hoàng Minh V nhờ giúp nhận tiền do ông Hoàng Minh V cho ông Phạm Văn Đ vay số tiền này là tiền riêng của vợ chồng ông Hoàng Minh V, không phải là tiền của Công ty T Bà đồng ý nhận tiền giúp ông V, theo hợp đồng vay tiền ngày 09/01/2020, ông Hoàng Minh V đã cho ông Phạm Văn Đ vay số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng tính từ ngày ký hợp đồng vay, tiền lãi trả theo tháng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/7/2020). Bà Tô Thị A và bà Nguyễn Thị U (vợ ông Phạm Văn Đ) đã trao đổi, hàng tháng bà Nguyễn Thị U chuyển số tiền lãi theo hợp đồng ông Phạm Văn Đ vay ông Hoàng Minh V vào tài khoản 35112000010623 của cá nhân bà Tô Thị A mở tại ngân hàng B và tài khoản 030006262828 của bà Tô Thị A mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Mỗi khi chuyển trả tiền lãi, bà Nguyễn Thị U chụp ảnh giao dịch và gửi qua ứng dụng Zalo cho bà Tô Thị A. Từ lúc ông Hoàng Minh V và ông Phạm Văn Đ cho nhau vay tiền (ngày 09/01/2020) đến ngày 15/9/2022 hàng tháng bà Nguyễn Thị U đã chuyển cho bà Tô Thị A 60.000.000 đồng, lần gần nhất tiền

lãi gửi cho ông Hoàng Minh V là vào ngày 10/01/2023, bà Nguyễn Thị U chuyển vào số tài khoản 35112000010623 của bà Tống Thị A số tiền là 180.000.000 đồng, nội dung là “Nguyen Thi Uyen chuyen tien lai 3 thang 11,12,1” nhưng thực chất là tiền lãi tháng 10, 11, 12 năm 2022 và từ tháng 01 năm 2023 đến nay, bà Nguyễn Thị U chưa chuyển tiền lãi cho ông Hoàng Minh V qua tài khoản của bà Tống Thị A, ngoài ra bà cũng không thấy hai bên trao đổi gì về việc trả nợ tiền gốc.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 13-5-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Minh V buộc ông Phạm Văn Đ phải thanh toán số tiền 4.707.723.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm linh bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) cho ông Hoàng Minh V. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Hoàng Minh V đối trừ số tiền 1.000.000.000 đồng vào số tiền đã vay. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Phạm Văn Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, xem xét hiệu lực của các thỏa thuận vay số tiền 8.000.000.000 đồng năm 2018, xác định giá trị của Hợp đồng vay ngày 09/01/2020 chỉ là văn bản ghi nhận lại các khoản vay cũ; yêu cầu xem xét đầy đủ số tiền lãi mà ông đã thanh toán vượt quá lãi suất tối đa theo quy định. Xác định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên lãi quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Đ là Công ty L do ông Nguyễn Huy L là người đại diện theo pháp luật và ông Phùng Xuân M là người đại diện theo ủy quyền, trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn xác định tính đến tháng 01/2018 ông Hoàng Minh V và ông Phạm Văn Đ thống nhất số tiền vay là 8.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng ông Đ đã trả đầy đủ lãi từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019 với số tiền lãi là 160.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 09/01/2020, ông Đ đã thanh toán 5.000.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh V, theo đó số tiền còn nợ lại là 3.000.000.000 đồng. Các bên có ký kết Hợp đồng ngày 09/01/2020 Hợp đồng này chỉ là văn bản ghi nhận cụ thể rằng ông Phạm Văn Đ còn nợ ông Hoàng Minh V 3.000.000.000 đồng từ các khoản nợ vay từ năm 2018. Ông Phạm Văn Đ không hề vay thêm hoặc nhận thêm 3.000.000.000 đồng từ ông Hoàng Minh V. Từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2023, ông Phạm Văn Đ trả lãi bằng hình thức trực tiếp tại Công ty T và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà Tống Thị A. Yêu cầu đối trừ số tiền đã trả lãi 1.000.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc đã vay và yêu cầu áp dụng Điều 124 Bộ luật dân sự tuyên bố hợp đồng vay tiền giữa ông Hoàng Minh V và

ông Phạm Văn Đ là hợp đồng giả tạo che giấu một giao dịch dân sự khác nên chỉ chấp nhận trả tiền nợ gốc đã vay.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Minh V trình bày phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

2.1. Đối với nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn Đ đề nghị xem xét hiệu lực của các thỏa thuận vay số tiền 8.000.000.000 đồng năm 2018, xác định giá trị của Hợp đồng vay ngày 09/01/2020 chỉ là văn bản ghi nhận lại các khoản vay cũ; yêu cầu xem xét đầy đủ số tiền lãi mà ông đã thanh toán vượt quá lãi suất tối đa theo quy định.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày, tính đến tháng 01/2018 bị đơn còn vay ông V số tiền 8.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, tương Đ số tiền lãi 160.000.000 đồng/tháng, bị đơn đã trả được lãi từ tháng 02/2018 đến ngày 12/2019 và cung cấp là giấy nộp tiền ngày 09/01/2020 số tiền 5.160.000.000 đồng do Q gửi đến số tài khoản 8403205078392 của bà Tống Thị A tại Ngân hàng N, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn và 09 phiếu thu tiền lãi từ ngày 20/02/2019 đến ngày 11/11/2019, số tiền thể hiện trên mỗi phiếu thu là 160.000.000 đồng, ghi tên người nộp tiền “Cô U” do bị đơn cung cấp. Đến ngày 09/01/2020 vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị U trả cho ông Hoàng Minh V 5.000.000.000 đồng, hai bên đã viết giấy biên nhận lập ngày 09/01/2020, bên nhận tiền là ông Hoàng Minh V, bên giao tiền là ông Phạm Văn Đ. Đồng thời cùng ngày 09/01/2020 hai bên đã viết giấy vay số tiền 3.000.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất đối với khoản vay này.

Như vậy, ông Phạm Văn Đ xác định vay của ông Hoàng Minh V 8.000.000.000 đồng, quá trình vay đã trả lãi cho ông Hoàng Minh V, hai bên không có tranh chấp về khoản vay này, cũng không tranh chấp về lãi suất, đến ngày 09/01/2020 ông Phạm Văn Đ trả 5.000.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh V theo giấy biên nhận tiền, còn lại số tiền 3.000.000.000 do chưa trả được nên hai bên ký hợp đồng vay tiền cùng ngày 09/01/2020 có chữ ký của ông Phạm Văn Đ và ông Hoàng Minh V là có căn cứ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Phạm Văn Đ có yêu cầu phản tố, nội dung: Từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020, số tiền lãi đã trả vượt quá lãi suất cho phép: $3.840.000.000 \text{ đồng} - (8.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/12) \times 24) = 640.000.000 \text{ đồng} (1)$; từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2023, đã trả số tiền lãi

vượt quá cho phép: $2.160.000.000$ đồng ($3.000.000.000$ đồng \times ($20\%/12$) \times 36) $=360.000.000$ đồng (2). Tổng cộng số tiền trả lãi vượt (1)+ (2) là $1.000.000.000$ đồng, yêu cầu tuyên vô hiệu đối với lãi suất 4% vượt quá lãi suất cho vay theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự áp dụng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2023.

Đối với yêu cầu phản tố đối với số tiền $640.000.000$ đồng tiền lãi của khoản vay từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2020, như đã phân tích nêu trên, các Đ sự không có tranh chấp về lãi suất, bị đơn có yêu cầu phản tố nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, do đó bản án sơ thẩm nhận định không chấp nhận đối với số tiền lãi nêu trên là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo đối với số tiền này.

Đối với số tiền nợ $3.000.000.000$ đồng, theo thỏa thuận của hai bên lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng từ 09/01/2020 đến 09/7/2020: $3.000.000.000$ đồng \times ($20\%/12$) \times 36) $=360.000.000$ đồng. Tại phần nhận định [5] của bản án sơ thẩm nhận định về số tiền trả lãi vượt quá $360.000.000$ đồng được chấp nhận và trừ vào số tiền nợ gốc. Như vậy, xác định tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về số tiền trả lãi vượt quá $360.000.000$ đồng, nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên: *Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Hoàng Minh V đối trừ số tiền 1.000.000.000 đồng vào số tiền đã vay là thiếu sót, mâu thuẫn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 360.000.000 đồng.*

2.2. Đối với nội dung kháng cáo về việc xác định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên lãi quá hạn.

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định: *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định về xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: *Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:*

a) *Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác*

lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc);

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm, xác định số tiền nợ gốc: 3.000.000.000 đồng; tiền lãi, gồm

- Tiền lãi, trên nợ gốc tính từ ngày 10/01/2020 đến ngày 13/5/2024: 3.000.000.000 đồng x 1,666% x 16 tháng 04 ngày = 806.500.000 đồng;

- Tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 10/01/2020 đến ngày 13/5/2024: 806.500.000 đồng x 0,83% x 16 tháng 04 ngày = 107.973.414 đồng;

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ 10/7/2020 đến 19/4/2024: 3.000.000.000 đồng x (50% x 1,666%) x 46 tháng 04 ngày = 1.153.250.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2024 là 5.067.723.414 đồng, tuy nhiên do việc thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định là 360.000.000 đồng, do đó trừ vào số tiền 360.000.000 đồng, ông Phạm Văn Đ phải trả ông Hoàng Minh V là 4.707.723.414 đồng.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên bản án sơ thẩm xác định lãi là đúng quy định, bị đơn kháng cáo yêu cầu xác định lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm, theo nhận định của bản án sơ thẩm, yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần, nhưng phần quyết định lại tuyên không chấp yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Hoàng Minh V

đổi trừ số tiền 1.000.000.000 đồng vào số tiền đã vay, dẫn đến không buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu phản tố được chấp nhận là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, xác định yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần với số tiền 360.000.000 đồng, nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối là 18.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của bị đơn của bị đơn, sửa sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối là 18.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với án phí phúc thẩm, do sửa bản án sơ thẩm người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, do ông Đ được miễn nộp nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đều có văn bản ủy quyền hợp lệ vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ, thấy rằng:

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 09/01/2020, ông Hoàng Minh V và ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị U có ký kết hợp đồng vay tiền; theo nội dung hợp đồng ông Hoàng Minh V cho ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị U vay số tiền là 3.000.000.000 đồng lãi suất vay là 2%/01 tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/7/2020, tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, lãi trả chậm bị phạt 200% lãi suất cho vay. Khi đến nợ đáo hạn bên B không trả đủ vốn và lãi cho bên A, tổng số vốn và lãi còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất nợ quá hạn là 200%/01 tháng. Không có tài liệu nào thể hiện các bên khi tham gia ký kết hợp đồng không có đầy đủ năng lực dân sự hay bị cưỡng ép, lừa dối. Ngoài ra, các tài liệu khác cũng thể hiện trong thời gian vay (06 tháng từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/7/2020) ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị U đã trả đầy đủ số tiền lãi là 60.000.000 đồng/01 tháng (2% của số tiền vay 3.000.000.000 đồng). Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng việc vay tiền giữa ông Hoàng Minh V và ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị U là giao dịch dân sự hợp pháp, không phải giả tạo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về việc tính lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Theo hợp đồng vay các bên thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng (tương Đ 24%/năm) là vượt quá mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng mức lãi suất 1,666%/tháng (tương Đ 20%/năm) để tính lãi đối với khoản vay này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Theo hợp đồng đã ký giữa các bên, thời hạn vay là 06 tháng, tuy nhiên sau khi hết thời hạn vay (ngày 09/7/2020) ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị U nợ quá hạn, không trả được số tiền đã vay và từ ngày 10/01/2023 đến nay ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị U đã không thanh toán tiền lãi đối với khoản vay trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi trên nợ gốc quá hạn và mức lãi trên nợ lãi bằng 50% mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Trong thời gian vay, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị U đã liên tục trả số tiền lãi là 60.000.000 đồng/tháng (tương Đ mức lãi suất 2%/tháng) từ ngày 10/01/2020 đến ngày 09/01/2023 với tổng số tiền lãi đã trả là: 60.000.000 đồng/tháng x 36 tháng = 2.160.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền lãi tối đa đối với khoản vay này mà luật định là: 3.000.000.000 đồng x 20%/năm x 03 năm = 1.800.000.000 đồng. Như vậy, ông Hoàng Minh V đã thu số tiền lãi vượt quá số tiền lãi mà pháp luật cho phép là 2.160.000.000 đồng – 1.800.000.000 đồng = 360.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Minh V yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền 360.000.000 đồng trên vào số tiền nợ gốc mà ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị U phải trả cho ông là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Như vậy, số tiền ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị U phải trả cho ông Hoàng Minh V là:

[8] Số tiền nợ gốc: 3.000.000.000 đồng – 360.000.000 đồng (khấu trừ số tiền nợ lãi đã thu vượt quá quy định theo yêu cầu của nguyên đơn) = 2.640.000.000 đồng.

[9] Số tiền nợ lãi từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/5/2024 (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm): 3.000.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 16 tháng 04 ngày = 806.500.000 đồng.

[10] Số tiền lãi trên nợ lãi từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/5/2024 (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm): 806.500.000 đồng x (50% x 1,666%/tháng) x 16 tháng 04 ngày = 107.973.414 đồng.

[11] Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 10/7/2020 đến 13/5/2024 (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm): 3.000.000.000 đồng x (50% x 1,666%/tháng) x 46 tháng 04 ngày = 1.153.250.000 đồng.

[12] Tổng cộng là: 2.640.000.000 đồng + 806.500.000 đồng + 107.973.414 đồng + 1.153.250.000 đồng = 4.707.723.414 (bốn tỉ bảy trăm linh bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm mười bốn) đồng.

[13] Về nội dung kháng cáo: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn kháng cáo, ông Phạm Văn Đ cho rằng cần đối trừ các khoản tiền 640.000.000 đồng là số tiền lãi vượt quá mức cho phép đối với khoản vay 8.000.000.000 đồng từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020 và khoản tiền 360.000.000 đồng là số tiền lãi vượt quá mức cho phép đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2023. Tổng cộng số tiền ông Phạm Văn Đ yêu cầu đối trừ là 1.000.000.000 đồng.

[14] Thấy rằng, đối với khoản vay 8.000.000.000 đồng từ tháng 02/2018: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm, ông Phạm Văn Đ, bà Vũ Thị U và người đại diện theo ủy quyền của ông bà đều không xuất trình được các tài liệu thể hiện việc ông Phạm Văn Đ được vay ông Hoàng Minh V số tiền 8.000.000.000 đồng như ông Phạm Văn Đ trình bày, cũng không có tài liệu nào thể hiện thời gian vay và mức lãi suất của khoản vay này. Do đó không có căn cứ để xác định số nợ gốc, mức lãi suất vay, số tiền lãi đã trả và thời gian trả lãi như lời khai của ông Phạm Văn Đ đã trình bày; vì vậy không có căn cứ xem xét chấp nhận đối với khoản tiền này.

[15] Đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khoản vay này. Như đã phân tích ở trên, đối với khoản nợ này, nguyên đơn đã thu số tiền lãi vượt quá số tiền lãi mà pháp luật cho phép là 360.000.000 đồng; nguyên đơn cũng đã yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền nợ gốc và lãi. Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đối trừ số tiền 360.000.000 đồng vào số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn; việc Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa chính xác, cần được xem xét lại.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Đối với nghĩa vụ chịu án phí của bị đơn, do bị đơn ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp tiền án phí cho ông Phạm Văn Đ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần Bản án dân sự

sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[19] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 228, 235, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 5; Điều 9; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5, 8, 9 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Minh V buộc ông Phạm Văn Đ phải thanh toán số tiền **4.707.723.000** đồng (bốn tỷ bảy trăm linh bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) cho ông Hoàng Minh V.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu ông Hoàng Minh V đối trừ số tiền 360.000.000 đồng vào số tiền đã vay.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn Đ được miễn nộp án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Ông Hoàng Minh V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Xác nhận trả lại ông Hoàng Minh V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000027 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Ông Hoàng Minh V được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các Đ sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ

